

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04090**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Kế toán doanh nghiệp 1**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020036	Nguyễn Quốc	An	14/05/2003				8	7.0	6.0	8.0	5.5			5.0		5.7
2	2453403020037	Trần Thái	An	13/05/2009				7	1.5	4.0	6.5	8.5			5.0		5.1
3	2453403020038	Đào Thị Mỹ	Anh	06/07/2009				8	3.5	3.5	4.0	9.0			8.0		6.9
4	2453403020039	Lê Ngọc Trâm	Anh	15/10/2009				9	4.5	4.5	6.0	5.0			7.5		6.7
5	2453403020040	Trần Thị Kim	Anh	07/12/2009				8	3.0	5.0	4.0	6.5			5.3		5.2
6	2453403020041	Trương Quỳnh	Anh	12/05/2009				6	4.0	5.0	5.0	5.5			5.0		5.0
7	2453403020042	Phạm Thế	Bảo	14/12/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
8	2453403020043	Trần Ngọc Minh	Châu	27/03/2009				8	4.0	4.5	5.0	5.5			5.0		5.0
9	2453403020044	Huỳnh Trang Khánh	Chi	15/05/2009				8	3.0	3.0	4.0	8.5			5.0		5.0
10	2453403020045	Trần Hữu	Duy	02/05/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2453403020046	Trần Thị Ngọc	Hân	18/10/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
12	2453403020047	Nguyễn Huỳnh Kiến	Huy	28/11/2009				8	4.0	4.0	5.0	5.5			5.0		5.0
13	2453403020048	Nguyễn Thị Quế	Hương	08/03/2009				8	0.0	6.0	6.0	8.0			5.0		5.1
14	2453403020049	Do Roh Mane Rid	Hwan	06/02/2009				8	2.0	6.0	3.0	8.0			5.8		5.5
15	2453403020050	Trần Hoàng Phúc	Khải	01/07/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
16	2453403020051	Đỗ Đăng	Khoa	23/11/2009				9	2.0	4.0	3.0	9.5			5.0		5.0
17	2453403020052	Ngô Tuấn	Kiệt	18/09/2009				6	3.0	3.5	3.0	10.0			5.0		5.0
18	2453403020053	Dương Thiên	Kim	16/11/2009				8	4.0	4.5	4.5	5.5			7.0		6.2
19	2453403020054	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	16/11/2009				8	4.0	4.0	4.5	6.5			7.8		6.7
20	2453403020055	Nguyễn Ngọc Xuân	Nghi	10/09/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2453403020056	Lưu Hồng	Ngọc	27/06/2009				5	3.0	6.5	5.0	6.0			7.0		6.2
22	2453403020057	Tô Kim	Ngọc	24/09/2009				9	2.0	5.5	7.5	9.5			5.0		5.6
23	2453403020058	Lê Thị Thảo	Nguyên	16/02/2009				8	5.5	5.0	6.0	9.5			5.5		6.0
24	2453403020059	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	01/08/2009				10	8.0	10.0	7.0	8.5			8.5		8.5
25	2453403020060	Trần Thị Ý	Nhi	01/12/2009				8	5.0	6.0	6.5	8.0			5.0		5.6
26	2453403020061	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/11/2009				10	4.0	4.5	4.0	5.0			5.0		5.0
27	2453403020062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/08/2009				9	3.0	7.0	4.0	6.0			5.0		5.2
28	2453403020063	Nguyễn Tỷ	Phú	15/04/2009				8	4.0	5.0	4.0	5.5			5.0		5.0
29	2453403020064	Nguyễn Hoàng	Phúc	31/08/2009				7	7.0	2.0	3.0	8.0			5.0		5.1
30	2453403020065	Nguyễn Ngọc Phát	Tài	08/08/2008				10	9.0	10.0	9.0	9.5			9.3		9.4
31	2453403020066	Nguyễn Thị Kim	Tho	26/02/2009				8	4.0	4.0	7.0	9.5			5.5		5.8
32	2453403020067	Trần Nguyễn Phước	Toàn	06/01/2009				7	1.5	3.0	5.0	9.5			5.0		5.0
33	2453403020068	Hứa Thị Cẩm	Tú	06/03/2009				8	2.0	5.5	3.5	9.5			6.3		6.0
34	2453403020069	Lê Ngọc Thảo	Vân	02/09/2009				8	5.0	3.0	5.0	5.5			7.0		6.2
35	2453403020070	Phạm Hồ Khánh	Vân	14/09/2009				8	2.0	3.0	4.0	9.5			5.0		5.0
36	2453403020071	Nguyễn Thị Thùy	Vương	16/01/2009				8	6.0	5.0	6.0	8.5			5.8		6.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020072	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	27/08/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
38	2453403020073	Nguyễn Thị Ngọc Yến	29/10/2009				8	4.0	5.0	4.0	5.5		6.5		5.9

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Thị Ngọc Hà